

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO
LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số: 132 QĐ/HĐQT-ĐTTC ngày 09/5/2024 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP về việc Phê duyệt giá khởi điểm và Phương án chuyển nhượng phần vốn đầu tư của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên, tiêu chí lựa chọn tổ chức thực hiện bán đấu giá;

Căn cứ Quyết định số: 133 QĐ/HĐQT-ĐTTC ngày 09/5/2024 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP về việc Phê duyệt giá khởi điểm và Phương án chuyển nhượng phần vốn đầu tư của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Vinafor Vinh, tiêu chí lựa chọn tổ chức thực hiện bán đấu giá;

Căn cứ Quyết định số: 134 QĐ/HĐQT-ĐTTC ngày 09/5/2024 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP về việc Phê duyệt giá khởi điểm và Phương án chuyển nhượng phần vốn đầu tư của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Kôn Hà Nùng, tiêu chí lựa chọn tổ chức thực hiện bán đấu giá;

Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP (VINAFOR) thông báo về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản:

- Người có tài sản: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP (VINAFOR)
- Địa chỉ: Tòa nhà Vinafor, Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

2. Tên tài sản, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

2.1. Tên tài sản 1: 01 lô bao gồm toàn bộ 836.386,2 cổ phần Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên do Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP sở.

- Giá khởi điểm 01 lô cổ phần: 10.789.381.980 đồng
- Bước giá: 9.000.000 đồng/lô,
- Số lượng lô đặt mua tối thiểu: 01 lô gồm 836.386,2 cổ phần.
- Số lượng lô đặt mua tối đa: 01 lô gồm 836.386,2 cổ phần.

2.2. Tên tài sản 2: 01 lô bao gồm toàn bộ 18.000 cổ phần Công ty cổ phần Kôn Hà Nùng do Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP sở hữu.

- Giá khởi điểm 01 lô cổ phần: 11.820.600.000 đồng
- Bước giá: 18.000.000 đồng/lô,
- Số lượng lô đặt mua tối thiểu: 01 lô gồm 18.000 cổ phần.
- Số lượng lô đặt mua tối đa: 01 lô gồm 18.000 cổ phần.



2.3 .Tên tài sản 3: 01 lô bao gồm toàn bộ 15.802 cổ phần Công ty cổ phần Vinafor Vinh do Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP sở hữu.

- Giá khởi điểm 01 lô cổ phần: 23.763.047.600 đồng
- Bước giá: 15.802.000 đồng/lô,
- Số lượng lô đặt mua tối thiểu: 01 lô gồm 15.802 cổ phần.
- Số lượng lô đặt mua tối đa: 01 lô gồm 15.802 cổ phần.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Các tổ chức đấu giá đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 4, Điều 56, Luật đấu giá tài sản, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp và các tiêu chí khác do Người có tài sản quy định (*Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm thông báo*).

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn:

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 13/05/2024 đến 16 giờ 30 phút ngày 16/05/2024.
- Địa điểm nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ bản gốc tại VINAFOR. Người nộp hồ sơ phải mang theo CMND/CCCD và Giấy giới thiệu khi đến nộp hồ sơ.

VINAFOR sẽ có văn bản thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, những đơn vị không được thông báo kết quả được hiểu là không được lựa chọn. VINAFOR sẽ không hoàn trả hồ sơ với những đơn vị không được lựa chọn.

Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP (VINAFOR) thông báo đến các tổ chức đấu giá tài sản được biết./.

Thông tin liên hệ: Bà Ngô Thị Tân Trang- phòng ĐTTC; ĐT:024.36410799 máy lẻ 166,158.

Nơi nhận:

- Công TTĐT Quốc gia về ĐGTS;
- Công TTĐT VINAFOR;
- HĐQT(đề b/c);
- TGD;
- P.KTTC;KHĐT;
- P.TCLĐ;PC&KSNB;
- Lưu: VT, P.ĐTTC.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Quốc Khánh

PHỤ LỤC I

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản số 593/TCT-ĐTTC ngày 09/5/2024)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0

	<i>yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5.</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</i>	5,0

	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3)	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong	1,0



IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>	5,0
1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định:	5,0
	<i>Đã từng tổ chức đấu giá thành công đối với tài sản là cổ phần/vốn góp của Vinafor trong giai đoạn (2021-2024)</i>	3,0
	<i>Đã từng ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản là cổ phần/vốn góp của Vinafor trong giai đoạn (2021-2024)</i>	2,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>

lu